

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Áp lực chốt lời gia tăng khiến TTCK Việt Nam điều chỉnh khi nhà đầu tư trong nước thận trọng chờ đợi kết quả cuộc họp chính sách của FED

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm co và giảm nhẹ theo diễn biến thị trường cơ sở do tâm lý thận trọng của NĐT trước áp lực bán ròng của NĐTNN trong những phiên gần đây.

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, QNS

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể chốt lời quay vòng ngắn 1 phần vị thế ngắn hạn đã tích lũy khi chỉ số test lại vùng đỉnh cũ.

16/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,179.90	-0.39
VN30	1,187.84	-0.25
HĐTL VN30F1M	1,186.20	-0.22
HNXIndex	275.88	+0.25
HNX30	392.63	-0.04
UPCoM	80.93	+0.14
USD/VND	23,079	+0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.39	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.24	+6
Dầu (WTI, \$)	64.69	-1.07
Vàng (LME, \$)	1,731.18	-0.03



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,179.90 (-0.39%)
KLGD (triệu CP) 683.9 (+10.9%)
GTGD (triệu US\$) 663.5 (+1.3%)

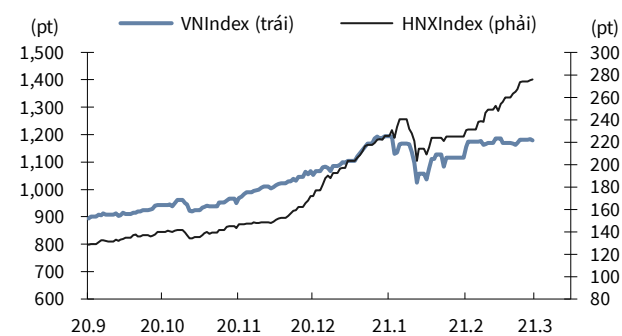
HNXIndex 275.88 (+0.25%)
KLGD (triệu CP) 168.3 (+19.1%)
GTGD (triệu US\$) 115.6 (+26.9%)

UPCoM 80.93 (+0.14%)
KLGD (triệu CP) 96.9 (+80.8%)
GTGD (triệu US\$) 47.7 (+30.3%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -1.8

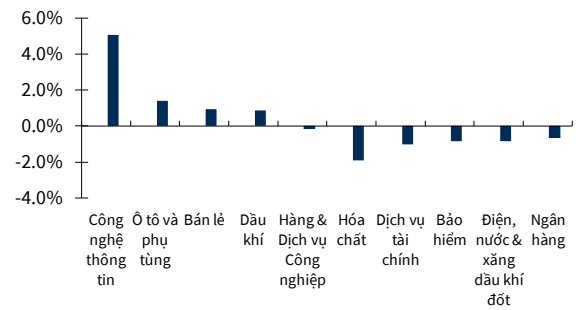
Áp lực chốt lời gia tăng khiến TTCK Việt Nam điều chỉnh nhẹ khi nhà đầu tư trong nước thận trọng chờ đợi kết quả cuộc họp chính sách của FED diễn ra trong tuần này. Theo Reuters, giá đường trung bình năm 2021 sẽ giảm do cung vượt cầu, theo đó, giá đường thô sẽ giảm khoảng 7% trong khi giá đường trắng sẽ giảm khoảng 3.5% vào cuối năm 2021 khiến cổ phiếu ngành đường giảm giá ở SLS (-2%), LSS (-1.7%). Cổ phiếu thủy sản tăng giá SEA (+1.2%), FMC (+1.1%) trước thông tin WTO sắp đạt được thỏa thuận nhằm xóa bỏ trợ cấp nghề cá - những trợ cấp hưởng tới gia tăng đánh bắt quá mức. Hãng tàu Mediterranean Shipping Company vừa ra mắt dịch vụ vận chuyển hàng tuần mới với tên gọi Palmetto có hải trình từ châu Á đến bờ Đông nước Mỹ, kết nối trực tiếp từ Việt Nam tới cảng Diêm Điền (Trung Quốc) khiến cổ phiếu ngành cảng biển tăng giá GMD (+2.7%), VSC (+0.5%). Khối ngoại bán ròng ở VNM (-1.2%), MBB (-0.9%), HPG (-0.9%).

VNIndex & HNXIndex



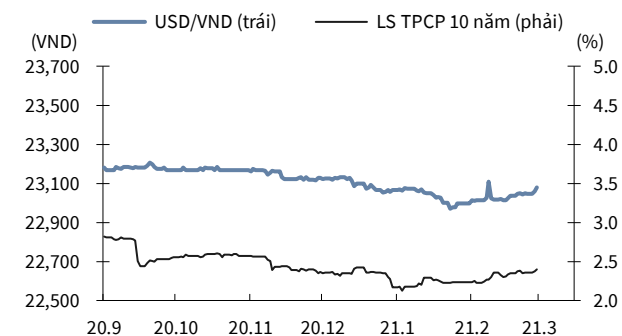
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



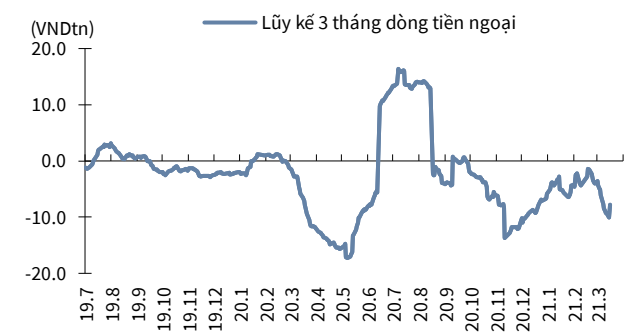
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



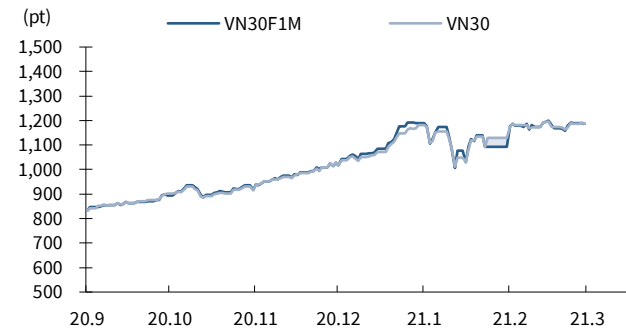
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,187.84 (-0.25%)
VN30F1M	1,186.2 (-0.22%)
Mở cửa	1,191.1
Cao nhất	1,191.5
Thấp nhất	1,180.1
KLGD (HĐ)	101,386 (+26.3%)

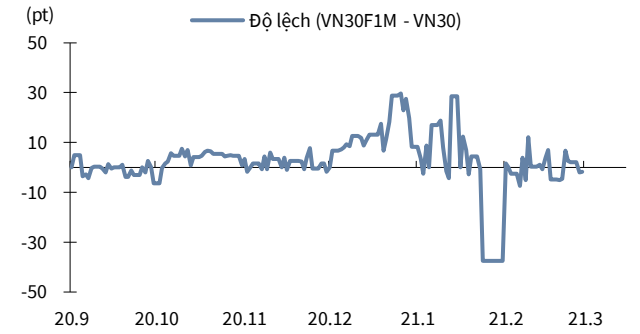
HĐTL giảm co và giảm nhẹ theo diễn biến thị trường cơ sở do tâm lý thận trọng của NĐT trước áp lực bán ròng của NĐTNN trong những phiên gần đây. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức 0.54 và giao động trong biên độ -1.7 và 3.1, đóng cửa ở mức -1.64. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



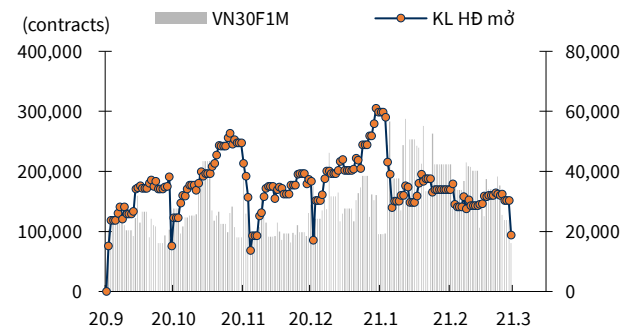
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



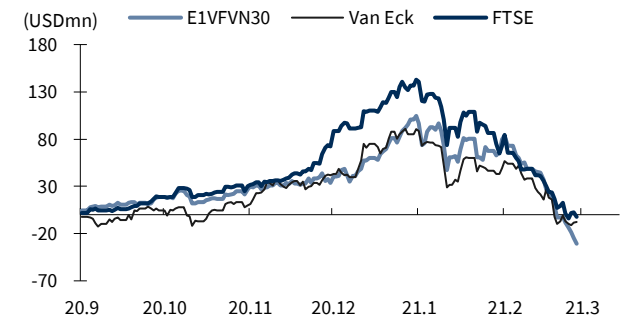
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

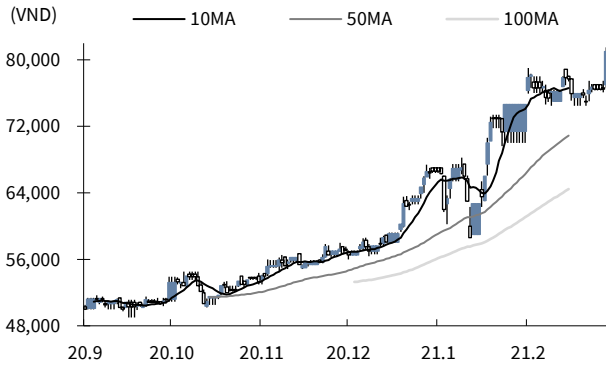
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

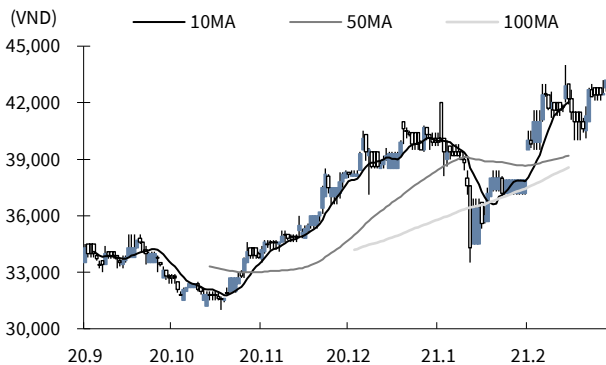
Công ty cổ phần FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 5.9% lên 81,000 VNĐ/cp.
- FPT dự kiến trình cổ đông thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%, trong đó 10% đã tạm ứng trong năm 2020 và 10% còn lại dự kiến trả trong quý II và 15% bằng cổ phiếu.
- Năm 2021, FPT lên kế hoạch lợi nhuận trước thuế 6,210 tỷ đồng (+18% YoY) và doanh thu 34,720 tỷ đồng (+16% YoY).

Đường Quảng Ngãi (QNS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS tăng 0.9% lên 43,200 VNĐ/cp.
- HĐQT QNS đề xuất chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 25%, trong đó 10% đã tạm ứng trước đó và phần cổ tức còn lại là 15% dự kiến chốt danh sách cổ đông vào 16/4 và thanh toán ngày 29/4.
- Công ty đặt mục tiêu năm 2021 với lợi nhuận 913 tỷ đồng (-13% YoY) và doanh thu 8,000 tỷ đồng (+19% YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex vấp lại áp lực bán đầu phiên sáng nhưng dần hồi phục về cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục rung lắc trong những phiên tới. Xu hướng tăng của chỉ số vẫn giữ vai trò chủ đạo nhưng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn đang tăng dần.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể chốt lời quay vòng ngắn 1 phần vị thế ngắn hạn đã tích lũy khi chỉ số test lại vùng đỉnh cũ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1197 - 1200

Kháng cự gần: 1189 - 1191

Hỗ trợ gần: 1181 - 1183

Hỗ trợ xa: 1174 - 1178

— F1 vấp lại áp lực bán đầu phiên sáng nhưng dần hồi phục về cuối phiên.

— Chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục rung lắc trong những phiên tới. Xu hướng tăng của chỉ số vẫn giữ vai trò chủ đạo nhưng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn đang tăng dần.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều, mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT khi chỉ số tiến tới gần đỉnh cũ nhưng cần đặt STOP chặt nếu bị vượt qua.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

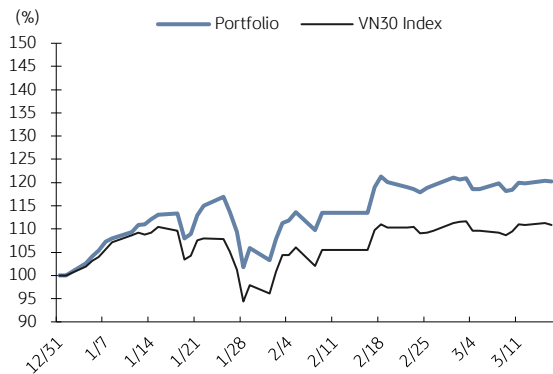
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.25%	-0.07%
Tăng lũy kế (YTD)	10.93%	20.28%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,200	0.4%	14.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,400	-0.7%	44.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,500	-0.7%	8.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,650	-0.9%	68.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,900	-1.8%	58.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	81,000	5.9%	141.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	37,700	-0.8%	54.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,300	-0.9%	23.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,100	-0.9%	135.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	40,150	-0.4%	193.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.2%	100.0%	194.9
PLX	1.2%	16.0%	124.4
KBC	-0.4%	21.5%	25.2
FCN	3.1%	36.9%	14.4
SAB	2.0%	63.1%	8.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.2%	56.8%	-223.8
MBB	-0.9%	23.1%	-60.0
HPG	-0.9%	30.5%	-39.9
VRE	1.0%	31.0%	-31.2
SSI	-1.5%	42.8%	-22.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.1%	3.6%	0.3
NVB	0.0%	8.8%	0.5
TVC	1.6%	0.1%	0.6
DHT	-0.6%	35.3%	0.5
SD4	9.6%	4.0%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	-3.0%	11.3%	-3.6
CSC	4.1%	1.0%	-1.8
SHB	5.1%	5.4%	-1.2
KTS	3.7%	7.4%	-0.9
NTP	-0.6%	19.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	7.5%	FPT, CMG
Bán lẻ	4.7%	MWG, DGW
Ô tô và phụ tùng	3.4%	TCH, HHS
Y tế	3.0%	IMP, DHG
Hóa chất	2.5%	GVR, DGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.6%	GAS, PPC
Truyền thông	-1.0%	YEG, ADG
Du lịch và Giải trí	-0.6%	RIC, VJC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%	REE, LGC
Tài nguyên Cơ bản	0.6%	POM, SMC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	14.2%	GVR, DGC
Tài nguyên Cơ bản	8.6%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	5.9%	HVN, VJC
Dịch vụ tài chính	5.9%	VIX, VCI
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.7%	RAL, TCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-2.6%	VNM, MSN
Bảo hiểm	-2.2%	BVH, BMI
Bất động sản	-0.5%	VIC, VHM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%	REE, LGC
Bán lẻ	1.2%	PSH, CMV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,400	356,508 (15,447)	135,974 (5.9)	22.7	46.1	34.6	11.1	8.7	11.3	3.8	3.4	-0.6	1.1	-0.8	-2.6
	VHM	VINHOMES JSC	99,500	327,307 (14,182)	264,090 (11.5)	26.6	10.6	8.9	37.1	30.5	28.2	2.9	2.2	-0.3	1.3	2.8	11.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,800	79,077 (3,426)	160,651 (7.0)	18.0	26.7	21.0	-7.6	9.7	11.4	2.5	2.2	1.0	2.1	10.3	10.8
	NVL	NO VA LAND INVES	80,900	86,074 (3,730)	175,098 (7.6)	31.7	21.4	19.9	6.7	10.4	9.4	2.6	2.2	-1.2	-1.3	2.4	24.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,250	17,463 (757)	49,914 (2.2)	13.5	14.3	10.8	17.7	15.5	17.6	2.0	1.7	-0.3	1.5	-2.0	6.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,500	12,698 (550)	190,248 (8.3)	15.1	10.3	9.1	-	19.0	18.4	1.7	1.4	2.5	3.8	6.8	53.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	95,700	354,940 (15,379)	121,046 (5.3)	6.4	17.0	13.6	17.8	20.3	21.3	3.0	2.6	-0.6	0.7	-1.5	-2.2
	BID	BANK FOR INVESTM	42,400	170,534 (7,389)	83,701 (3.6)	12.8	17.6	11.5	-5.3	13.2	16.9	2.0	1.7	-1.4	1.3	3.9	-11.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	39,850	139,671 (6,052)	525,003 (22.8)	0.0	9.4	8.2	14.4	18.2	17.6	1.6	1.3	-0.6	2.3	10.7	26.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,700	140,372 (6,082)	361,101 (15.7)	2.0	8.5	7.9	61.0	18.1	17.1	1.4	1.3	-0.8	1.3	6.5	9.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	44,350	108,868 (4,717)	239,998 (10.4)	0.0	9.0	7.6	18.8	20.4	19.9	1.7	1.4	-1.0	6.1	15.2	36.5
	MBB	MILITARY COMMERC	28,650	80,184 (3,474)	541,744 (23.5)	0.1	7.9	6.6	14.6	20.1	20.1	1.4	1.2	-0.9	4.9	15.8	25.7
	HDB	HDBANK	26,800	42,713 (1,851)	113,931 (4.9)	4.5	7.8	6.9	23.4	19.5	18.7	-	-	0.6	3.3	11.2	12.8
	STB	SACOMBANK	18,900	34,089 (1,477)	421,620 (18.3)	14.4	13.0	7.8	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	0.0	1.9	4.1	11.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	28,500	29,402 (1,274)	118,445 (5.1)	0.0	7.5	5.4	37.5	23.3	24.1	1.4	1.1	-0.7	0.4	6.1	6.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,400	22,622 (980)	7,312 (0.3)	0.2	37.9	36.7	27.3	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.3	0.0	3.4	-4.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	59,600	44,242 (1,917)	39,187 (1.7)	21.3	27.2	21.8	15.2	8.2	9.5	2.1	1.9	-0.8	1.2	-0.5	-9.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	27,000	2,467 (107)	9,465 (0.4)	14.4	13.3	11.6	8.4	9.3	10.2	1.1	1.0	-1.5	-0.6	5.9	-11.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	32,700	19,588 (849)	414,743 (18.0)	57.3	13.7	13.6	0.0	13.5	12.8	-	-	-1.5	-1.1	3.0	-1.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	61,300	10,151 (440)	62,835 (2.7)	73.1	13.1	-	-4.0	17.9	-	-	-	0.5	14.2	15.9	5.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,450	9,594 (416)	141,511 (6.1)	53.5	18.1	-	-19.0	12.1	-	-	-	-1.9	0.8	11.5	0.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,500	5,982 (259)	137,556 (6.0)	28.8	-	-	36.7	-	-	-	-	-2.1	0.9	5.2	-5.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	101,000	211,085 (9,146)	322,999 (14.0)	43.2	19.7	18.1	4.0	35.5	34.9	6.1	5.4	-1.2	0.5	-6.5	-7.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,600	115,815 (5,018)	25,166 (1.1)	36.9	21.8	19.2	7.3	25.5	26.2	4.9	4.6	2.0	4.4	0.2	-7.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	88,000	103,372 (4,479)	111,305 (4.8)	16.7	41.2	22.7	-51.9	14.6	20.9	5.1	4.1	-0.6	1.5	-0.8	-1.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,500	13,857 (600)	104,062 (4.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	6.8	12.1	-14.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	134,600	70,509 (3,055)	84,562 (3.7)	10.7	65.2	23.1	-88.3	7.6	18.8	4.3	3.4	-0.3	-0.2	4.3	7.7
	GMD	GEMADEPT CORP	32,800	9,885 (428)	76,905 (3.3)	10.7	20.6	16.2	-57.3	7.9	10.3	1.5	1.6	2.7	3.5	7.2	0.6
	CII	HO CHI MINH CITY	23,700	5,660 (245)	58,478 (2.5)	39.0	17.1	6.1	78.0	7.3	16.8	-	-	0.0	1.3	11.0	10.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	4,100	2,327 (101)	55,296 (2.4)	46.7	-	-	-89.3	-	-	-	-	5.7	15.2	17.1	62.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,450	10,820 (469)	125,407 (5.4)	38.3	19.7	10.4	-13.8	9.9	14.7	-	-	-0.7	-2.4	10.9	-0.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	78,900	5,861 (254)	69,074 (3.0)	3.7	11.3	10.8	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	-0.8	0.9	14.3	1.5
	REE	REE	53,900	16,658 (722)	51,968 (2.3)	0.0	9.3	7.8	-4.5	14.7	15.3	1.3	1.2	-1.8	-2.0	-5.4	10.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,300	172,830 (7,489)	103,804 (4.5)	46.2	17.0	16.6	-18.6	19.9	19.3	3.3	3.1	-0.9	-3.6	11.1	4.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,000	6,621 (287)	18,811 (0.8)	32.9	13.5	10.1	-10.5	11.9	15.9	1.6	1.5	0.0	2.0	1.8	-6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,600	8,208 (356)	15,336 (0.7)	34.3	11.1	10.7	-5.1	11.2	12.4	1.3	1.3	0.0	-8.4	-0.8	4.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	46,100	152,742 (6,618)	930,060 (40.4)	18.5	9.2	8.2	25.2	25.9	23.3	2.0	1.7	-0.9	0.5	10.3	11.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,700	7,318 (317)	52,819 (2.3)	35.8	11.2	12.0	0.2	8.6	8.2	0.9	0.9	-0.5	-1.6	17.2	-0.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	16,350	8,656 (375)	71,487 (3.1)	45.9	19.3	21.1	-4.3	7.8	7.1	1.4	1.4	-0.3	-2.7	30.8	16.8
	HSG	HOA SEN GROUP	28,300	12,574 (545)	265,161 (11.5)	41.2	8.7	7.9	67.9	21.1	19.9	1.7	1.5	0.5	0.0	17.9	27.8
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	17,000	3,770 (163)	53,702 (2.3)	97.2	11.1	10.0	21.9	10.3	11.0	0.9	1.0	1.5	15.6	30.8	18.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,800	70,447 (3,052)	179,936 (7.8)	4.0	21.8	17.7	-49.7	15.9	17.2	3.0	3.0	1.2	2.1	9.1	5.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,550	9,918 (430)	293,477 (12.7)	41.1	34.0	21.0	-11.9	2.1	3.1	0.7	0.6	-1.7	-3.9	11.1	45.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	18,000	5,826 (252)	95,827 (4.2)	36.7	8.7	8.1	-0.1	13.7	13.9	1.2	1.1	-1.6	0.0	9.8	28.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	133,200	62,088 (2,690)	131,761 (5.7)	0.0	12.5	9.7	13.7	27.9	28.7	3.1	2.6	0.4	4.0	2.9	12.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,500	18,985 (823)	40,493 (1.8)	0.0	15.2	12.1	7.0	23.2	24.7	3.2	2.5	-0.7	0.0	-0.1	3.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,800	1,245 (054)	1,028 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-2.5	0.5	-13.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,300	2,235 (097)	41,980 (1.8)	33.3	15.2	12.7	-75.2	10.2	14.1	-	-	-0.9	2.5	7.6	-11.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,400	8,320 (360)	57,372 (2.5)	34.5	10.1	10.1	41.2	26.4	23.4	2.4	2.5	-0.5	-0.2	6.2	-2.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,300	13,245 (574)	1,241 (0.1)	45.4	17.3	16.6	10.7	21.2	20.5	3.4	3.1	0.1	2.7	0.3	-2.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	79,000	5,926 (257)	122 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	3.9	3.9	3.3
IT	FPT	FPT CORP	81,000	63,496 (2,751)	186,966 (8.1)	0.0	16.1	13.8	15.6	25.1	25.8	3.6	3.1	5.9	8.0	8.6	37.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhhd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.